

PHẠM NGỌC TIẾN

ĐỀ KIỂM TRA KIẾN THỨC VẬT LÝ 6



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

PHẠM NGỌC TIẾN

ĐỀ KIỂM TRA
KIẾN THỨC
VẬT LÝ
6

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định –
Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.

.../CXB/.../GD

Mã số : T6L29M1

Lời nói đầu

Sau mỗi bài học, học sinh tuy đã luyện giải các bài tập trong sách giáo khoa nhưng chưa quan tâm đến lượng thời gian dành cho việc giải các bài tập đó. Với mục đích rèn luyện cho học sinh kĩ năng làm bài trong một lượng thời gian nhất định tương ứng với các đề kiểm tra, đề thi trong thực tế, Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh biên soạn bộ sách ***Đề kiểm tra kiến thức Vật lí***

Cấu trúc của cuốn ***Đề kiểm tra kiến thức Vật lí 6*** gồm ba phần :

A. Trọng tâm kiến thức : tóm tắt các kiến thức quan trọng cần nhớ ở học kì I và học kì II giúp học sinh vận dụng vào việc trả lời câu hỏi lí thuyết và bài tập trong các đề thi.

B. Đề kiểm tra kiến thức : đây là nội dung chính của quyển sách, bao gồm các đề kiểm tra một tiết (45 phút) và kiểm tra học kì.

C. Hướng dẫn giải các đề kiểm tra : là phần giúp học sinh tự đánh giá kết quả làm bài của mình, đồng thời học thêm những kiến thức và cách trả lời ngắn gọn mà đủ ý.

Nội dung kiến thức trong các đề luyện tập được biên soạn bám sát theo phân phối chương trình học, xuyên suốt từ học kì I đến học kì II, giúp cho học sinh và giáo viên dễ dàng theo dõi và kiểm tra đánh giá kiến thức sau mỗi chương, mỗi học kì.

Mặc dù đã rất cố gắng trong việc biên soạn nhưng khó tránh khỏi những sai sót ngoài ý muốn. Mọi ý kiến đóng góp xin vui lòng gửi về Ban biên tập Khoa học tự nhiên, 231 Nguyễn Văn Cừ quận 5 TP. Hồ Chí Minh.

TÁC GIẢ

A. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC

HỌC KÌ I



1. ĐO ĐỘ DÀI

- Một số dụng cụ đo độ dài : thước dây, thước cuộn, thước mét, thước kẻ.
- Đơn vị đo độ dài trong hệ thống đơn vị đo lường hợp pháp của Việt Nam là mét, kí hiệu là mét (m).

$$1\text{km} = 1000\text{m}$$

$$1\text{m} = 1000\text{mm}.$$

- Khi sử dụng bất kì dụng cụ đo nào cũng cần biết *giới hạn đo* (GHĐ) và *độ chia nhỏ nhất* (ĐCNN) của dụng cụ đó.

- + GHĐ của một thước là độ dài lớn nhất ghi trên thước.
- + ĐCNN của thước là độ dài giữa hai vạch chia liên tiếp trên thước.

- Cách đo độ dài

- + Ước lượng độ dài cần đo để chọn thước đo thích hợp.
- + Đặt thước và mắt đúng cách.
- + Đọc, ghi kết quả đo đúng quy định.

2. ĐO THỂ TÍCH CHẤT LỎNG

- Dụng cụ đo thể tích chất lỏng là : bình chia độ, ca đong, chai, lọ, bơm tiêm có ghi sẵn dung tích.

Đơn vị đo thể tích thường dùng là mét khối (m^3) và lít (l).

$$1\text{ lít} = 1\text{dm}^3$$

$$1\text{ml} = 1\text{cm}^3 = 1\text{cc}.$$

- Xác định được *giới hạn đo* (GHĐ) và *độ chia nhỏ nhất* (ĐCNN) của bình chia độ.

- + GHĐ của một bình chia độ là thể tích lớn nhất ghi trên bình.
- + ĐCNN của bình chia độ là phần thể tích của bình giữa hai vạch chia liên tiếp trên bình.

- Quy trình đo thể tích của một lượng chất lỏng bằng bình chia độ :
 - + Ước lượng thể tích chất lỏng cần đo.
 - + Lựa chọn bình chia độ có GHĐ và ĐCNN thích hợp.
 - + Đặt bình chia độ thẳng đứng.
 - + Đặt mắt nhìn ngang với độ cao mực chất lỏng trong bình.
 - + Đọc và ghi kết quả đo theo vạch chia gần nhất với mực chất lỏng.

*** Xác định thể tích của vật rắn không thấm nước bằng bình chia độ, bình tràn.**

Để đo thể tích vật rắn không thấm nước, có thể dùng bình chia độ hoặc bình tràn :

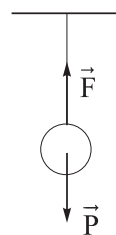
- + Dùng bình chia độ để đo thể tích vật rắn bỏ lọt bình chia độ.
- + Dùng bình chia độ và bình tràn để đo thể tích vật rắn không bỏ lọt bình chia độ thì phần nước tràn ra = thể tích của vật rắn.

3. KHỐI LƯỢNG – ĐO KHỐI LƯỢNG

- Mọi vật đều có khối lượng. Khối lượng của một vật chỉ lượng chất tạo thành vật đó.
- Đơn vị để đo khối lượng là kilôgam, kí hiệu là kg. Các đơn vị khối lượng khác thường được dùng là gam (g), tấn (t).
- Một số loại cân thường gặp là : cân đòn, cân tạ, cân đồng hồ, cân y tế.
- Người ta dùng cân để đo khối lượng.

4. LỰC – HAI LỰC CÂN BẰNG

- Tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác gọi là lực.
- Nếu chỉ có hai lực tác dụng vào cùng một vật mà vật vẫn đứng yên thì hai lực đó là hai lực cân bằng.
- Hai lực cân bằng là hai lực mạnh như nhau có cùng phương, ngược chiều, cùng tác dụng vào một vật.



5. TÌM HIỂU KẾT QUẢ TÁC DỤNG CỦA LỰC

Lực tác dụng lên một vật có thể làm biến đổi chuyển động của vật hoặc làm cho vật bị biến dạng.

6. TRỌNG LỰC – ĐƠN VỊ LỰC

- Trọng lực là lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật.
- Trọng lực có phương thẳng đứng và có chiều hướng về phía Trái Đất.
- Cường độ (độ lớn) của trọng lực tác dụng lên một vật ở gần mặt đất gọi là trọng lượng của vật đó.
 - + Đơn vị lực là niu-ton, kí hiệu N.
 - + Một quả cân có khối lượng 0,1kg thì có trọng lượng gần bằng 1N.

7. LỰC ĐÀN HỒI

- Lực đàn hồi là lực mà lò xo khi biến dạng tác dụng vào quả nặng.
- Độ biến dạng của vật đàn hồi càng lớn thì lực đàn hồi càng lớn và ngược lại.
- Khi lò xo bị nén hoặc kéo dãn thì nó sẽ tác dụng lực đàn hồi lên các vật tiếp xúc (hoặc gắn) với hai đầu của nó.
- Lò xo là vật đàn hồi. Sau khi nén hoặc dãn nó một cách vừa phải, nếu buông ra, thì chiều dài của nó lại trở lại bằng chiều dài tự nhiên.

8. LỰC KẾ – PHÉP ĐO LỰC – TRỌNG LƯỢNG VÀ KHỐI LƯỢNG

- Lực kế dùng để đo lực, có nhiều loại lực kế.
- Hệ thức giữa trọng lượng và khối lượng của một vật

$$P = 10m$$

P là trọng lượng (N)

m là khối lượng (kg).

Coi trọng lực gần đúng bằng lực hút của Trái Đất và chấp nhận một vật ở Trái Đất có khối lượng là 1kg thì có trọng lượng xấp xỉ 10N vậy $P = 10m$.

9. KHỐI LƯỢNG RIÊNG – TRỌNG LƯỢNG RIÊNG

- Khối lượng riêng của một chất được xác định bằng khối lượng của một đơn vị thể tích (m^3) chất đó :

$$D = \frac{m}{V}$$

D là khối lượng riêng (kg/m^3)

m là khối lượng (kg)

V thể tích (m^3).